

TỔNG HỢP TIN TỨC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thị trường chứng khoán Mỹ hồi phục sau phiên giảm mạnh nhất kể từ tháng Hai. Tuyên bố giữ nguyên lãi suất với cam kết sẽ tiếp tục duy trì mức lãi suất thấp của FED đã giúp thị trường lấy lại hưng phấn sau nhiều thông tin không mấy hỗ trợ từ khủng hoảng nợ tại Châu Âu, vụ cáo buộc Goldman Sachs và tương lai những cải cách về tài chính tại Mỹ.

Tiếp nối Hy Lạp và Bồ Đào Nha, ngày hôm qua S&P tiếp tục giảm đánh giá tín dụng nợ của Tây Ban Nha. Trong khi áp lực lên sự mất ổn định của đồng euro và cả khối những nước sử dụng đồng tiền này do nguy cơ đến từ Hy Lạp còn chưa được giải quyết, việc Tây Ban Nha tiếp tục đứng trong danh sách các nước có nguy cơ vỡ nợ là một lo ngại có cơ sở. Kinh tế Tây Ban Nha lớn gấp 5 lần so với Hy Lạp xét về GDP, do vậy bất cứ biến động không thuận lợi nào của nền kinh tế này sẽ có tác động lớn hơn nhiều tới khối đồng tiền chung euro.

Tại Việt Nam, ngân hàng đồng thuận giảm lãi suất cho vay. Kể từ ngày 1/5, các ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước sẽ giảm lãi suất cho vay từ 0,5% - 1,5% theo chỉ đạo của Chính phủ. Mức lãi suất cho vay tối đa bằng VND là 13%/năm đối với các khoản vay để chi phí sản xuất nông-lâm-ngư-diêm nghiệp; doanh nghiệp xuất khẩu, chi phí sản xuất của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, các NHTM nhà nước cũng nhất trí thực hiện giảm lãi suất huy động bằng tiền VND xuống mức 11,5%.

Trong thời gian gần đây, Chính phủ đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước có những biện pháp quyết liệt nhằm hạ mặt bằng lãi suất xuống mức hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp kinh doanh tiếp cận vốn, đẩy mạnh sản xuất. Kỳ vọng sau những động thái mới nhất của các NHTM nhà nước, mặt bằng lãi suất sẽ giảm đáng kể về mức chấp nhận được trong khoảng 13% - 14%. Đây là thông tin tốt đối với nền kinh tế nói chung, và sẽ tác động tích cực tới thị trường chứng khoán nói riêng.

Giải ngân vốn FDI đạt khoảng 900 triệu USD trong tháng 4, nâng tổng số vốn FDI giải ngân trong 4 tháng đầu năm 2010 lên 3,4 tỷ USD, tăng tới 36% so với cùng kỳ năm 2009. Vốn đăng ký cũng có tín hiệu khởi sắc, đạt 3,8 tỷ USD trong tháng Tư, nâng tổng mức vốn đăng ký từ đầu năm lên 5,92 tỷ USD, tương đương 74,3% so với cùng kỳ.

Sự tăng tốc trong các chỉ tiêu quan trọng liên quan đến vốn FDI có thể phản ánh phần nào sự phục hồi kinh tế trên thế giới, cũng cho thấy kỳ vọng cao hơn của nhà đầu tư đối với triển vọng kinh doanh tại Việt Nam.

Thị trường chứng khoán thế giới

| Mỹ | Đóng cửa | Thay đổi | ±% |
|----------------|-----------|----------|-------|
| Dow Jones | 11.045,27 | +53,28 | +0,48 |
| Nasdaq | 2.471,73 | +0,26 | +0,01 |
| S&P 500 | 1.191,36 | +7,65 | +0,65 |
| Châu Âu | | | |
| FTSE 100 | 5.586,61 | -16,9 | -0,3 |
| DAX 30 | 6.084,34 | -75,17 | -1,22 |
| CAC 40 | 3.787,0 | -57,60 | -1,5 |
| Châu Á | | | |
| Nikkei 225 | 10.924,79 | -287,87 | -2,57 |
| Hang Seng | 20.949,4 | -312,39 | -1,4 |
| Shanghai | 2.900,33 | -7,59 | -0,26 |

Thị trường dầu, vàng và dollar

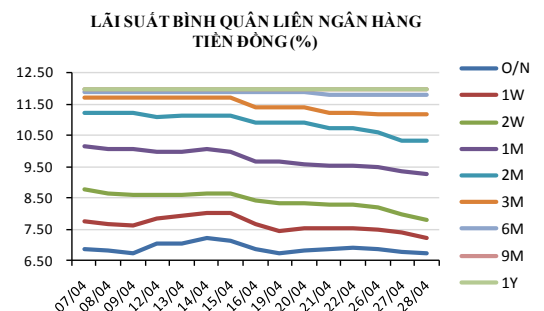
| | Giá | Giao dịch ³ |
|----------------------|---------|------------------------|
| Dầu thô ¹ | 83,32 | 6:01 pm |
| Vàng ² | 1.165,5 | 6:01 pm |
| US dollar index | 82,42 | 5:33 pm |

1- Dầu thô nhẹ giao tháng 6 - New York Mercantile Exchange

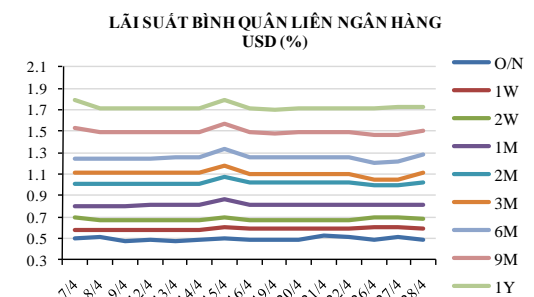
2- Vàng kỳ hạn giao tháng 6 - Commodity Exchange Inc.

3- Phiên giao dịch theo giờ New York (GMT-5)

Nguồn: Yahoo Finance



Nguồn: Thomson Reuters

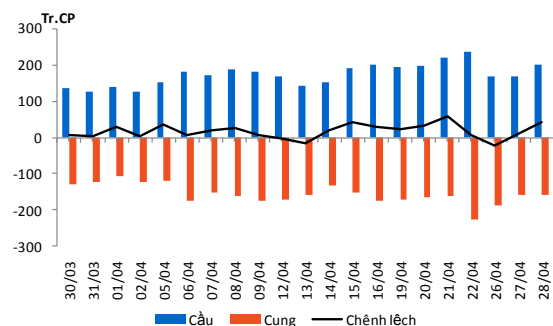


Nguồn: Thomson Reuters

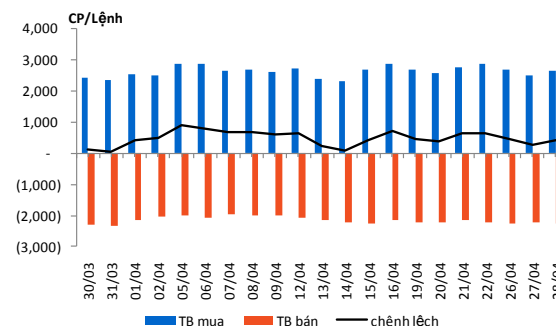
Tỷ giá giữa đô la và VND vẫn tiếp tục xu hướng giảm trong gần một tháng nay. Những nguyên nhân chính khiến tỷ giá giảm mạnh là sự cải thiện của dòng vốn FDI, ODA giải ngân kể từ đầu năm, nguồn vốn đầu tư gián tiếp cũng có chiều hướng tăng lên, một phần được thể hiện ở chuỗi phiên mua ròng liên tục của khối ngoại trên thị trường chứng khoán trong thời gian gần đây, lượng kiều hối chuyển về cũng khá lớn kể từ đầu năm. Ngoài ra cũng không thể nhắc đến khả năng một số doanh nghiệp vay tiền USD rồi đổi ra VND thay vì vay trực tiếp bằng VND để hưởng chênh lệch tỷ giá. Tất cả đều làm tăng lượng ngoại tệ cho thị trường, gây áp lực kéo tỷ giá giảm liên tục. Yếu tố tâm lý và kỳ vọng tỷ giá sẽ tiếp tục giảm cũng góp phần duy trì đà giảm này.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

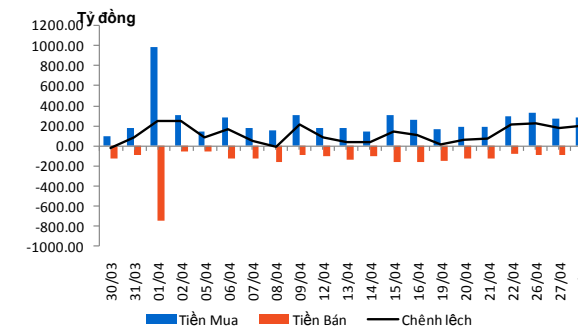
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



HSX

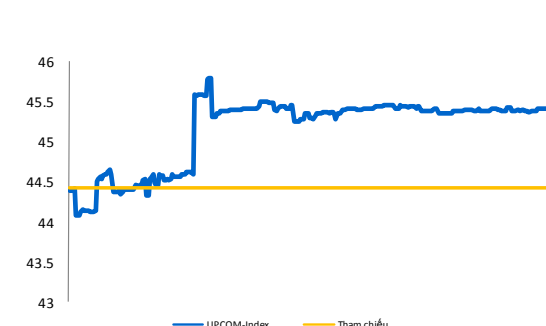
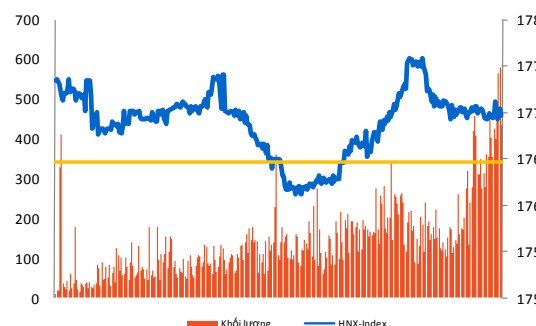
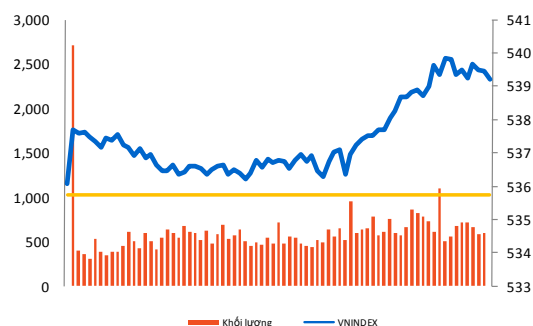
| | Giá trị | Thay đổi | ± % |
|------------------------------|------------|----------|---------|
| VN-Index | 539.20 ↑ | 3.48 | 0.65% |
| KLGD (triệu ck) | 60.86 ↑ | 5.45 | 9.84% |
| GTGD (tỷ đồng) | 2,383.68 ↑ | 222.34 | 10.29% |
| Tổng cung (triệu ck) | 101.96 ↑ | 1.10 | 1.10% |
| Tổng cầu (triệu ck) | 120.14 ↑ | 18.90 | 18.67% |
| Giao dịch NN | | | |
| KL mua (triệu ck) | 5.71 ↑ | 0.83 | 16.99% |
| KL bán (triệu ck) | 2.01 ↓ | -0.15 | -6.96% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 272.05 ↑ | 38.02 | 16.25% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 73.15 ↓ | -13.46 | -15.54% |

HNX

| | Giá trị | Thay đổi | ± % |
|------------------------------|------------|----------|---------|
| HNX-Index | 176.56 ↑ | 1.50 | 0.86% |
| KLGD (triệu ck) | 42.95 ↑ | 1.92 | 4.68% |
| GTGD (tỷ đồng) | 1,533.18 ↑ | 105.72 | 7.41% |
| Tổng cung (triệu ck) | 56.17 ↓ | -2.05 | -3.52% |
| Tổng cầu (triệu ck) | 79.97 ↑ | 12.77 | 19.00% |
| Giao dịch NN | | | |
| KL mua (triệu ck) | 0.42 ↓ | -0.44 | -51.27% |
| KL bán (triệu ck) | 0.17 ↓ | -0.12 | -40.80% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 12.74 ↓ | -20.94 | -62.18% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 5.24 ↓ | -1.27 | -19.56% |

UPCOM

| | Giá trị | Thay đổi | ± % |
|------------------------------|---------|----------|----------|
| UPCOM-Index | 45.41 ↑ | 0.95 | 2.14% |
| KLGD (triệu ck) | 0.95 ↑ | 0.42 | 79.63% |
| GTGD (tỷ đồng) | 16.41 ↑ | 8.21 | 100.09% |
| Tổng cung (triệu ck) | 1.20 ↑ | 1.02 | 549.42% |
| Tổng cầu (triệu ck) | 1.64 ↑ | 1.54 | 1454.26% |
| Giao dịch NN | | | |
| KL mua (triệu ck) | 0.00 ↑ | 0.00 | 0.00% |
| KL bán (triệu ck) | 0.00 ↑ | 0.00 | 0.00% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 0.00 ↑ | 0.00 | 0.00% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 0.00 ↑ | 0.00 | 0.00% |



HSX**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | ± % | Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| SJS | 82,000 | 86,000 | 4.88 | 180,014 |
| VIS | 66,000 | 69,000 | 4.55 | 97,384 |
| MCG | 58,500 | 56,000 | -4.27 | 66,580 |
| HAG | 85,000 | 85,000 | 0.00 | 60,098 |
| KDC | 65,500 | 67,500 | 3.05 | 58,256 |

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± % |
|-----|------------|----------|-------|------|
| BTP | 12,000 | 12,600 | 600 | 5.00 |
| PPI | 38,000 | 39,900 | 1,900 | 5.00 |
| SZL | 40,300 | 42,300 | 2,000 | 4.96 |
| SHI | 38,400 | 40,300 | 1,900 | 4.95 |
| VTB | 18,200 | 19,100 | 900 | 4.95 |

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± % |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| AGF | 38,000 | 36,200 | -1,800 | -4.74 |
| HAX | 19,000 | 18,100 | -900 | -4.74 |
| MHC | 10,800 | 10,300 | -500 | -4.63 |
| TIX | 65,000 | 62,000 | -3,000 | -4.62 |
| SCD | 29,400 | 28,100 | -1,300 | -4.42 |

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã | GT mua (triệu VNĐ) | Mã | GT bán (triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| SJS | 24,852 | FPT | 6,994 |
| HPG | 22,875 | BMP | 6,970 |
| PPC | 15,584 | VIC | 6,889 |
| HSG | 15,259 | SGT | 6,222 |
| KDC | 13,938 | BTP | 3,654 |

HNX**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | ± % | Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| VCG | 52,200 | 51,300 | -1.72 | 89,160 |
| PVL | 33,800 | 33,400 | -1.18 | 59,692 |
| PVX | 23,700 | 23,600 | -0.42 | 57,242 |
| SHN | 62,300 | 66,600 | 6.90 | 54,052 |
| VSP | 39,300 | 42,000 | 6.87 | 48,971 |

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± % |
|-----|------------|----------|-------|------|
| PVA | 101,600 | 108,700 | 7,100 | 6.99 |
| ED | 21,500 | 23,000 | 1,500 | 6.98 |
| HHC | 58,900 | 63,000 | 4,100 | 6.96 |
| TV2 | 23,000 | 24,600 | 1,600 | 6.96 |
| VC6 | 37,400 | 40,000 | 2,600 | 6.95 |

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± % |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| SGH | 77,500 | 72,100 | -5,400 | -6.97 |
| CSC | 46,100 | 43,000 | -3,100 | -6.72 |
| SPP | 53,600 | 50,200 | -3,400 | -6.34 |
| ECI | 12,800 | 12,000 | -800 | -6.25 |
| VTL | 32,500 | 30,500 | -2,000 | -6.15 |

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã | GT mua (triệu VNĐ) | Mã | GT bán (triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| PVI | 4,152 | TJC | 1,254 |
| PVS | 1,797 | LTC | 863 |
| VCG | 1,450 | VNR | 795 |
| PVX | 840 | SDA | 378 |
| STL | 791 | HUT | 258 |

UPCOM**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | ± % | Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| VDS | 17,700 | 19,000 | 7.34 | 5,482 |
| SVS | 16,100 | 17,600 | 9.32 | 3,965 |
| API | 10,100 | 10,300 | 1.98 | 1,535 |
| HIG | 28,200 | 28,200 | 0.00 | 1,447 |
| ACC | 39,800 | 39,300 | -1.26 | 1,158 |

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± % |
|-----|------------|----------|-------|------|
| CT3 | 36,300 | 39,900 | 3,600 | 9.92 |
| NT2 | 8,100 | 8,900 | 800 | 9.88 |
| IME | 13,200 | 14,500 | 1,300 | 9.85 |
| PPP | 9,600 | 10,500 | 900 | 9.38 |
| SVS | 16,100 | 17,600 | 1,500 | 9.32 |

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± % |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| DGT | 21,800 | 19,700 | -2,100 | -9.63 |
| TNM | 8,000 | 7,300 | -700 | -8.75 |
| ABI | 10,400 | 9,500 | -900 | -8.65 |
| HDO | 16,500 | 15,800 | -700 | -4.24 |
| ACE | 18,900 | 18,500 | -400 | -2.12 |

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ

| Mã | Tên công ty | Giá đóng cửa | KLGD (10 cp) | Tăng/Giảm (%) | Nơi giao dịch |
|-----|---|--------------|-----------------|------------------|---------------|
| DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 33.0 | 38,455 | ↓ -0.60 | HSX |
| ICG | Công ty CP Xây dựng Sông Hồng | 36.6 | 52,260 | ↑ 1.10 | HNX |
| NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 8.9 | 21 | ↑ 9.88 | UPCOM |
| PDC | Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông | 20.1 | 21,230 | ↑ 6.91 | HNX |
| PET | Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu khí | 26.7 | 106,422 | ↓ -0.37 | HSX |
| PGD | Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 49.0 | 29,303 | ↑ 0.20 | HSX |
| PGS | Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | 28.0 | 19,070 | ↓ -1.75 | HNX |
| PHH | Công ty CP Hồng hà Dầu khí | 56.6 | 19,860 | ↓ -0.18 | HNX |
| PSB | CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình | 10.4 | 3,443 | ↑ 0.97 | UPCOM |
| PSP | Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ | 10.0 | 1,406 | → 0.00 | UPCOM |
| PVA | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | 108.7 | 23,310 | ↑ 6.99 | HNX |
| PVC | Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | 55.9 | 44,550 | ↑ 6.88 | HNX |
| PVD | Công ty CP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí | 56.0 | 37,496 | ↓ -1.75 | HSX |
| PVE | Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí | 31.2 | 14,070 | ↑ 6.85 | HNX |
| PVF | Tổng công ty CP Tài chính Dầu khí | 30.7 | 75,787 | ↓ -0.32 | HSX |
| PVG | Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc | 26.1 | 24,090 | ↓ -0.38 | HNX |
| PVI | Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí | 28.5 | 35,910 | → 0.00 | HNX |
| PVS | Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí | 33.9 | 40,950 | ↓ -1.45 | HNX |
| PVT | Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí | 13.1 | 67,653 | ↑ 0.77 | HSX |
| PVX | Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 23.6 | 243,040 | ↓ -0.42 | HNX |

LỊCH SỰ KIỆN

Lịch đấu giá các công ty

| Công ty | VĐL (tỷ đồng) | Tổng số CP chào bán | Giá khởi điểm (đ/cp) | Ngày đấu giá | Thời gian nhận đặt cọc |
|--|------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|------------------------------|
| Công ty Dược và Trang thiết bị Y tế Quân đội | 130 | 2,899,700 | 10,000 | 13/05/2010 | Từ 26/04/2010 đến 06/05/2010 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn | 34.2 | 1,213,300 | 10,000 | 12/05/2010 | Từ 19/04/2010 đến 05/05/2010 |
| CTCP Kinh khí hóa lỏng miền Nam | 150 | 6,500,000 | 25,000 | 06/05/2010 | Từ 8/4/2010 đến 27/4/2010 |
| Xí nghiệp in Báo Thanh Niên lần 2 | 78.5 | 1,771,351 | 10,200 | 26/04/2010 | Từ 02/04/2010. |
| Công ty công trình Viettel | 238 | 1,925,000 | 10,000 | 08/04/2010 | 0 |

Danh sách các công ty mới nộp hồ sơ xin niêm yết

| Công ty | Địa chỉ đăng ký niêm yết | VĐL (tỷ đồng) | Ngày nộp hồ sơ |
|---|-----------------------------|------------------|----------------|
| CTCP Gạch ngói Kiên Giang | HNX | 23.35961 | 19/04/2010 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | HSX | 5300 | 19/04/2010 |
| CTCP Chứng khoán Phú Hưng | HNX | 300 | 14/04/2010 |
| Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam. | HSX | 140 | 14/04/2010 |
| CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang | HNX | 10.8 | 12/04/2010 |
| Công ty cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương | HSX | 200 | 12/04/2010 |

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

| Công ty | Địa chỉ đăng ký niêm yết | VĐL (tỷ đồng) | Ngày được chấp thuận |
|--|-----------------------------|------------------|-------------------------|
| Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist | HSX | 80 | 27/04/2010 |
| CTCP Nhân lực và Thương mại Vinaconex | HNX | 30 | 27/04/2010 |
| Công ty cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí | HSX | 200 | 27/04/2010 |
| CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí | HSX | 200 | 27/04/2010 |
| CTCP S.P.M | HSX | 100 | 26/04/2010 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư & Khai thác Công trình Giao thông 584 | HSX | 360 | 26/04/2010 |

Lịch niêm yết lần đầu

| Công ty | Mã CK | Địa chỉ niêm yết | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Giá chào sàn (Đồng) | Ngày giao dịch |
|--|-------|---------------------|--------------------------|------------------------|-------------------|
| CTCP Dược Đồng Nai | DPP | UPCOM | 19.85 | | 19/05/2010 |
| CTCP Thương mại Hóc Môn | HTC | HNX | 35.00 | | 07/05/2010 |
| CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà | VHF | UPCOM | | | 07/05/2010 |
| CTCP Xi măng Lạng Sơn | LCC | UPCOM | 49.00 | | 06/05/2010 |
| CTCP Công trình 6 | CT6 | HNX | 47.92 | | 04/05/2010 |
| CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh | IMT | UPCOM | 30.00 | | 04/05/2010 |
| CTCP Cấp nước Nhà Bè | NBW | UPCOM | 109.00 | | 04/05/2010 |
| CTCP Đồng Á | DAP | UPCOM | 12.00 | | 04/05/2010 |
| CTCP Bao bì PP | HPB | HNX | 38.80 | | 29/04/2010 |
| CTCP Vận tải Dầu khí Đồng Dương | PTT | UPCOM | 100.00 | | 29/04/2010 |

Nguồn: HSX, HNX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích - Ban Chiến lược Kinh doanh - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích – Ban chiến lược kinh doanh

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 62789898 (Ext.: 400)



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 62789898; Fax: (84-4) 62788989

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339